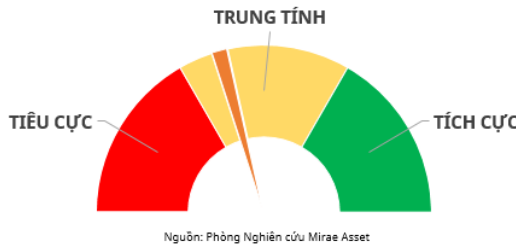


Thang đo sức mạnh thị trường



26 Tháng Bảy 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Kiểm định lực cầu

Trái với 2 ngày gần nhất kết thúc trong tăng hoặc giảm điểm mạnh, phiên giao dịch hôm nay của VN-Index diễn ra thận trọng và không xác lập rõ xu hướng tăng/giảm điểm mạnh. Thay vào đó, xu hướng giằng co là chủ yếu, và được duy trì xuyên suốt phiên hôm nay. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.272,7 điểm, tăng 3,8 điểm, tương ứng +0,3% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 16.137 tỷ đồng, HNX: 1.718 tỷ đồng, UPCOM: 959 tỷ đồng.

Với xu hướng giằng co, lực mua và lực bán hôm nay khá cân bằng khi số mã tăng (190) và giảm (182) ở mức tương đồng. Nhóm Ngân hàng tiếp tục chiếm trong sắc đỏ, trong khi nhóm Dầu khí phục hồi nhẹ. Nổi bật nhất trong hôm nay phải kể đến nhóm Hóa chất (DGC, DDV), Phân bón (DCM, DPM, BFC) và Bất động sản (KDH, NLG, NVL, PDR, VHM) có phiên tích cực khi đa số các mã trong 2 ngành này đều tăng khá mạnh.

Khối ngoại bán ròng nhẹ khoảng 70 tỷ đồng trong hôm nay, trong đó MBB và KDH bị bán ròng từ 100-120 tỷ đồng.

Phiên tăng nhẹ khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index chưa được cải thiện. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện vẫn đang là -2 (TRUNG TÍNH). Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 17,05x

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-6	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-5	TIÊU CỰC
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,272.89	0.32	-8.43	53.52
HNX	302.88	0.37	-4.82	177.03
UPCOM	83.86	-0.61	-6.28	50.33
MSCI EM	1,311.30	-1.14	-4.95	23.65
NIKKEI	27,833.29	1.04	-3.64	22.34
HANG SENG	26,289.85	-3.78	-10.24	6.41
KOSPI	3,224.95	-0.91	-2.36	46.56
FTSE	6,991.39	-0.51	-2.03	14.17
S&P 500	4,411.79	1.01	3.06	37.20
NASDAQ	14,836.99	1.04	3.32	43.17

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.05	2.57	15.27
SET INDEX	28.02	1.65	6.16
JCI INDEX	NA	2.09	-8.26
PCOMP	27.24	1.57	5.95

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.04	-1	-5	-70
10 năm	2.16	0	-6	-70

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,012	-0.06	0.01	0.70
US\$/KRW	1,155	-0.37	-2.16	3.55
US\$/JPY	110	0.29	0.36	-4.41
US\$/EUR	0.85	-0.13	1.17	-0.29
US\$/GBP	0.73	-0.06	0.90	-6.36
US\$/SGD	1.36	-0.01	-1.29	1.32

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	778	854	552
HNX	94	117	77
UPCOM	37	49	34

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-6	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (26/07/2021)	1.272,7	Kháng cự 1 1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.350
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.220
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.190

VN-Index hướng tới mốc kháng cự 1.300

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

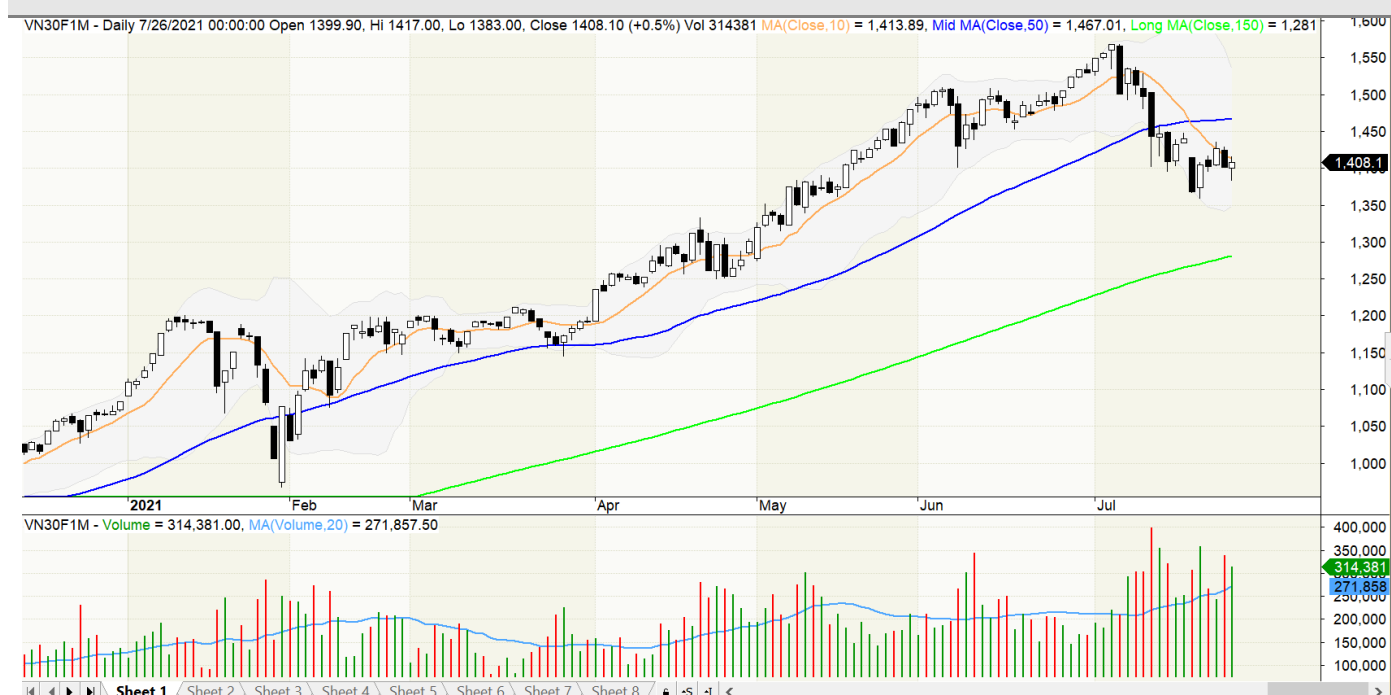
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (26/07/2021)	1.408	Kháng cự 1	1.450
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.500
VN30 - đóng cửa	1.403,9	Hỗ trợ 1	1.370
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+4,1	Hỗ trợ 2	1.320

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	+2	TRUNG TÍNH

Giao dịch của VN30F1M đã chuyển sang xu hướng tích cực hơn so với tuần trước.
Các chỉ số Intra-day đã chuyển sang TRUNG TÍNH và TÍCH CỰC

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.45	7,732,050	-2	TRUNG TÍNH	4,585	11.0	0.9
ACB	32.7	9,218,465	-4	TIÊU CỰC	88,354	10.2	2.3
AGR	12.15	3,463,170	-6	TIÊU CỰC	2,566	12.1	1.2
ART	8.3	3,834,435	-4	TIÊU CỰC	804	#N/A N/A	0.7
BID	40	3,079,715	-6	TIÊU CỰC	160,881	19.5	2.0
BSI	20.4	1,727,555	-6	TIÊU CỰC	2,480	10.0	1.6
BSR	17.6	14,701,535	2	TRUNG TÍNH	54,569	#N/A N/A	1.8
BVH	50.6	1,104,875	2	TRUNG TÍNH	37,562	19.9	1.8
BVS	27	1,184,425	-2	TRUNG TÍNH	1,949	11.0	1.0
CII	16.2	2,091,960	2	TRUNG TÍNH	3,870	291.2	0.8
CTG	32.15	18,598,256	-7	TIÊU CỰC	154,505	8.7	1.7
CTR	80	722,900	7	KHẢ QUAN	7,434	26.6	7.0
CTS	20.35	1,679,340	-2	TRUNG TÍNH	2,165	7.6	1.4
DBC	53.2	2,049,645	0	TRUNG TÍNH	6,131	5.0	1.3
DCM	18.95	3,658,130	7	KHẢ QUAN	10,032	16.9	1.6
DGC	96.5	1,486,930	7	KHẢ QUAN	16,509	16.4	3.7
DGW	146.3	412,380	5	KHẢ QUAN	6,467	15.9	4.6
DIG	24.65	4,389,010	5	KHẢ QUAN	10,104	13.2	2.1
DPM	22.95	2,224,870	7	KHẢ QUAN	8,981	11.9	1.1
DRC	29.6	2,452,200	5	KHẢ QUAN	3,516	10.3	2.1
DXG	21.1	6,834,550	0	TRUNG TÍNH	10,936	#N/A N/A	1.6
E1VFN30	23.96	1,551,175	-2	TRUNG TÍNH	9,040	#N/A Field	#N/A Field
FIT	14.6	7,485,920	-2	TRUNG TÍNH	3,719	54.6	1.2
FLC	10.6	23,845,204	-4	TIÊU CỰC	7,526	5.5	0.8
FPT	93.7	3,527,420	5	KHẢ QUAN	85,030	22.8	5.1
FRT	36.15	2,813,800	7	KHẢ QUAN	2,855	151.9	2.3
GAS	88.3	858,745	-2	TRUNG TÍNH	169,002	21.7	3.6
GEX	21.55	5,702,205	-2	TRUNG TÍNH	16,835	12.8	1.8
GMD	44.8	2,921,070	7	KHẢ QUAN	13,502	36.0	2.2
GVR	32.5	5,019,575	1	TRUNG TÍNH	130,000	29.8	2.7
HAH	41.55	1,610,345	5	KHẢ QUAN	1,969	11.9	1.7
HBC	12.8	3,471,575	0	TRUNG TÍNH	2,955	33.4	0.8
HCM	44.7	5,780,620	-6	TIÊU CỰC	13,635	15.4	2.8
HDB	32.5	3,868,825	-4	TIÊU CỰC	51,797	10.5	2.1
HDC	58.6	922,415	7	KHẢ QUAN	4,872	18.2	4.0
HDG	54.1	2,523,500	7	KHẢ QUAN	8,852	7.6	2.5
HHV	17.2	2,078,430	-7	TIÊU CỰC	4,599	29.5	0.7
HNG	8.08	9,671,405	-3	TRUNG TÍNH	8,957	344.1	1.0
HPG	45.6	33,332,990	-4	TIÊU CỰC	203,965	11.2	3.1
HSG	34.4	12,688,270	-2	TRUNG TÍNH	16,824	7.0	2.1
IDC	33.8	2,098,215	5	KHẢ QUAN	10,140	32.3	2.8
IJC	24.8	6,114,625	3	TRUNG TÍNH	5,384	7.1	1.7
ITA	6	8,068,735	2	TRUNG TÍNH	5,630	27.1	0.5
KBC	32.5	10,065,415	-2	TRUNG TÍNH	15,267	19.8	1.5
KDC	61.2	1,728,530	1	TRUNG TÍNH	13,999	31.2	2.4
KDH	39.15	3,845,605	6	KHẢ QUAN	24,394	20.1	2.9
LPB	22.9	7,907,270	-6	TIÊU CỰC	27,562	10.3	1.8
MBB	27.2	20,403,196	-6	TIÊU CỰC	102,770	9.8	1.9
MBS	27.2	2,712,770	-6	TIÊU CỰC	7,279	12.4	1.5
MSN	121.1	1,718,180	2	TRUNG TÍNH	142,963	94.5	8.8
MWG	160.3	1,117,520	-6	TIÊU CỰC	76,192	17.7	4.4
NKG	30.65	5,015,320	-6	TIÊU CỰC	5,578	3.8	1.2

NLG	42.05	2,389,745	7	KHẢ QUAN	11,996	10.7	1.9
NTL	27.15	1,207,255	7	KHẢ QUAN	1,656	5.4	1.4
NVB	17.4	5,056,900	-4	TIÊU CỰC	7,078	652.3	1.7
NVL	107.5	3,456,855	-1	TRUNG TÍNH	158,413	34.8	5.0
ORS	21.7	1,457,990	-6	TIÊU CỰC	2,170	20.6	3.4
PAN	26.8	1,218,330	7	KHẢ QUAN	5,598	28.5	1.5
PDR	90.5	3,494,020	-2	TRUNG TÍNH	44,053	31.2	7.9
PET	20.7	2,777,875	-2	TRUNG TÍNH	1,730	10.7	1.1
PHR	48.8	729,300	0	TRUNG TÍNH	6,612	9.4	2.2
PLX	49.9	1,659,610	-2	TRUNG TÍNH	62,066	17.1	2.6
PNJ	90.7	797,670	-7	TIÊU CỰC	20,622	15.6	3.6
POW	10.5	9,059,815	2	TRUNG TÍNH	24,590	10.1	0.9
PVD	17.4	6,059,405	-6	TIÊU CỰC	7,328	113.4	0.5
PVS	23.6	12,150,220	0	TRUNG TÍNH	11,280	17.2	0.9
PVT	17.9	3,846,530	0	TRUNG TÍNH	5,793	7.8	1.2
REE	52	598,305	0	TRUNG TÍNH	16,071	9.0	1.4
ROS	4.84	15,502,000	0	TRUNG TÍNH	2,747	151.0	0.5
SBS	11.7	2,800,605	-6	TIÊU CỰC	1,482	1,290.0	7.2
SBT	18.5	3,074,725	4	KHẢ QUAN	11,417	16.4	1.4
SCR	9.85	8,194,685	3	TRUNG TÍNH	3,609	20.4	0.8
SHB	26.4	22,877,050	-4	TIÊU CỰC	50,835	15.1	2.0
SHS	38.9	6,911,165	-4	TIÊU CỰC	8,063	7.5	1.9
SMC	43.5	1,006,590	7	KHẢ QUAN	2,650	2.8	1.2
SSI	50.8	13,622,630	-6	TIÊU CỰC	33,270	#N/A	2.9
STB	28.7	32,554,980	-2	TRUNG TÍNH	51,765	19.2	1.7
SZC	39.9	958,825	7	KHẢ QUAN	3,990	16.0	3.0
TCB	49	26,318,550	-6	TIÊU CỰC	171,740	10.6	2.1
TCH	18.6	5,482,825	0	TRUNG TÍNH	7,425	7.3	1.3
TLH	14.2	2,174,035	-4	TIÊU CỰC	1,429	18.8	0.9
TNG	21.7	1,941,475	7	KHẢ QUAN	1,726	9.6	1.4
TPB	32.9	5,514,150	-4	TIÊU CỰC	35,258	7.8	1.7
TTF	7.04	5,785,640	2	TRUNG TÍNH	2,191	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	96	2,005,035	-7	TIÊU CỰC	356,052	16.8	3.5
VCI	46	3,508,460	-7	TIÊU CỰC	15,318	13.3	2.9
VCS	118.2	338,655	7	KHẢ QUAN	18,911	13.9	4.5
VG	15.8	3,937,170	-2	TRUNG TÍNH	7,900	27.7	1.3
VHC	41.15	1,481,480	5	KHẢ QUAN	7,487	10.2	1.4
VHM	109.6	4,101,955	0	TRUNG TÍNH	360,531	13.9	4.0
VIB	38.55	2,263,370	-7	TIÊU CỰC	59,874	11.5	3.1
VIC	104.2	2,356,080	4	KHẢ QUAN	352,449	47.9	4.4
VIX	22.5	3,907,800	1	TRUNG TÍNH	2,874	4.1	1.3
VJC	114	652,655	-6	TIÊU CỰC	61,744	50.5	4.1
VND	41.9	7,192,590	0	TRUNG TÍNH	17,976	12.3	3.2
VNM	88.9	3,255,290	5	KHẢ QUAN	185,797	19.0	5.9
VPB	56.7	18,384,344	-7	TIÊU CỰC	139,184	11.2	2.3
VPG	46.3	829,550	5	KHẢ QUAN	1,996	5.8	2.6
VPI	36.5	1,014,460	7	KHẢ QUAN	7,300	24.0	2.6
VRE	26.75	4,605,480	-2	TRUNG TÍNH	60,785	22.8	2.0

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Trung Quốc mạnh tay với công ty giáo dục, thị trường chứng khoán giảm sâu

Cổ phiếu hàng loạt công ty giáo dục tư nhân Trung Quốc bị bán tháo đang tạo ra cú sốc đến thị trường chứng khoán nước này, sau khi Bắc Kinh thông báo cải tổ diện rộng, đe dọa đảo ngược lĩnh vực 100 tỷ USD này và ảnh hưởng đến hàng tỷ USD đầu tư từ nước ngoài. Cổ phiếu New Oriental Education hôm nay có lúc giảm 40% sau khi lao dốc 41% hôm 23/7. Trong hồ sơ gửi sở giao dịch chứng khoán, New Oriental Education cho biết quy định mới sẽ ảnh hưởng bất lợi đến công ty. Koolearn Technology Holding có lúc lao dốc 35%, ảnh hưởng mạnh nhất đến Hang Seng Tech – giảm 5,8% xuống thấp nhất kể từ tháng 8/2020. China Maple Leaf Educational Systems giảm 16%. Trung Quốc ngày 24/7 công bố các cải cách sẽ thay đổi nền tảng mô hình kinh doanh của các công ty tư nhân trong giáo dục – lĩnh vực được Bắc Kinh mô tả là “bị chiếm đoạt vốn”. Quy định mới cấm các công ty giáo dục tư nhân sử dụng chương trình giảng dạy trong trường học để kiếm lợi nhuận, huy động vốn hoặc niêm yết.

Nhiệt điện gặp khó với sản lượng huy động giảm trong khi giá khí, than tăng mạnh

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cho biết 6 tháng đầu năm, sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống tăng 7,4% so với cùng kỳ, đạt 128,51 tỷ kWh. Trong đó, nhiệt điện than chiếm 52% cơ cấu huy động điện, tương đương 66,7 tỷ kWh. Tuy nhiên, sản lượng từ nguồn này đã giảm 5% so với cùng kỳ năm ngoái. Huy động từ tua bin khí cũng giảm 19% về gần 15,7 tỷ kWh, tương ứng 12,2% tổng sản lượng điện. Sản lượng từ các công ty nhiệt điện giảm do EVN ưu tiên huy động nhiều nguồn thủy điện trong điều kiện thủy văn thuận lợi và sử dụng một phần sản lượng phát điện từ năng lượng tái tạo. Trong nửa đầu năm, sản lượng từ nguồn thủy điện tăng 41% lên 30,46 tỷ kWh; năng lượng tái tạo ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất 172%, đạt 14,69 tỷ kWh. Giá nguyên liệu đầu vào tăng cũng là lý do khiến các nhà máy nhiệt điện trở nên kém cạnh hơn. Nhóm nhiệt điện có đặc điểm chung là chi phí nguyên liệu từ than, khí và dầu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất điện. Theo báo cáo của SSI Research, giá dầu nhiên liệu (F0), đại diện cho giá khí (46% F0) đã tăng 125% trong quý II, kéo giá bán bình quân từ các nhà máy điện khí tăng theo. Do đó, EVN sẽ sử dụng nguồn khác như thủy điện, điện than thay vì điện khí.

Bộ Tài chính đề xuất thêm gói hỗ trợ Covid-19 khoảng 24.000 tỷ

Bộ Tài chính được Chính phủ giao nghiên cứu, đề xuất gói hỗ trợ Covid-19 mới liên quan tới thuế, phí. Tại phiên thảo luận kinh tế xã hội chiều 25/7, Bộ trưởng Tài chính Hồ Đức Phớc cho biết, Bộ đang hoàn thiện và sẽ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ để quyết định. Hiện Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 68 về gói hỗ trợ Covid-19 cho người dân, doanh nghiệp với quy mô 26.000 tỷ đồng. Gói hỗ trợ này đang được các cấp, ngành triển khai giải ngân. Ngoài ra, Bộ Tài chính đang trình Chính phủ hoãn thực hiện Thông tư 40 hướng dẫn thuế VAT, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, đến 1/1/2022 mới thi hành (thay vì 1/8/2021 như trước đây). Ông Hồ Đức Phớc nói thêm, để có thêm nguồn lực chống dịch, phát triển kinh tế xã hội, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ thực hiện chủ trương giảm 10% chi thường xuyên, giảm 50% chi hội họp, công tác phí, công tác nước ngoài... Đồng thời, nâng cao hiệu quả đầu tư công, kể cả các dự án ODA, cắt giảm các dự án không hiệu quả, quản lý tốt thị trường chứng khoán bảo hiểm, tiền tệ... “Chúng tôi rất mong các bộ, ngành, địa phương ủng hộ chủ trương này để dồn kinh phí cho chống dịch, còn nữa thì dành phát triển kinh tế”, Bộ trưởng Hồ Đức Phớc nói.

HSG: doanh thu thuần Quý 3 tăng 90% so với cùng kỳ năm trước

Theo BCTC hợp nhất quý III niên độ 2020-2021 (từ 1/10/2020 - 30/9/2021), Tập đoàn Hoa Sen (HoSE: HSG) ghi nhận 12.984 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 90% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn tăng thấp hơn nên lãi gộp tăng 178% lên 2.954 tỷ đồng. Biên lãi gộp tăng

từ 15,5% lên 22,7%. Doanh thu tài chính tăng mạnh từ 21 tỷ lên 153 tỷ đồng, riêng khoản lãi từ hoạt động đầu tư là 107 tỷ đồng; chi phí tài chính tăng từ 146 tỷ lên 151 tỷ đồng do chi phí chênh lệch tỷ giá tăng mạnh từ 9 tỷ lên 71 tỷ đồng. Chi phí bán hàng tăng 80%, chi phí quản lý tăng 15%. Theo đó, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 1.702 tỷ đồng, gấp 5,4 lần cùng kỳ năm trước và lập kỷ lục lợi nhuận mới. Lũy kế 3 quý niên độ 2020-2021, doanh nghiệp tôn báo cáo doanh thu 32.929 tỷ đồng, tăng 72%; lãi ròng 3.372 tỷ đồng, gấp 4,8 lần cùng kỳ. Tập đoàn gần như hoàn thành kế hoạch doanh thu và vượt 125% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

CMX: lãi ròng quý II giảm 7% do chi phí tăng

Camimex Group (HoSE: CMX) ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất quý II đạt 718 tỷ đồng, tăng 68%. Giá vốn tăng 74% đẩy lãi gộp xuống 65 tỷ đồng, chỉ còn tăng 27%. Doanh thu tài chính giảm từ 35% về 2,2 tỷ đồng. Cùng với đó, loạt chi phí tăng lên làm thu hẹp tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận. Kết quả, lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ giảm 7% xuống 16,6 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu tăng 31% lên 932,6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 16% đạt 32 tỷ đồng. Năm nay, Camimex Group đặt mục tiêu 1.629 tỷ đồng doanh thu thuần và 73 tỷ đồng lãi sau thuế, lần lượt tăng 14% và 21,7% so với thực hiện năm trước. Như vậy, sau nửa đầu năm, công ty đã hoàn thành 57% kế hoạch doanh thu và 43% chỉ tiêu lợi nhuận.

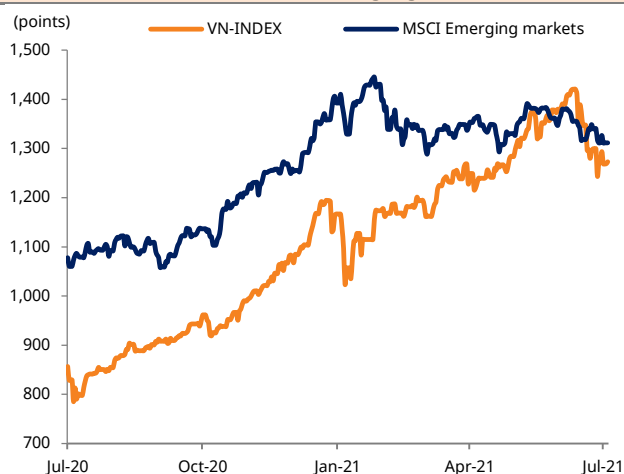
PNJ: nhuận quý II kỷ lục

Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HoSE: PNJ) công bố BCTC hợp nhất quý II với doanh thu tăng 62% lên 4.455 tỷ đồng. Giá vốn tăng thấp hơn nên lãi gộp đạt 835 tỷ đồng, tăng 76%. Biên lãi gộp cải thiện từ 17,3% lên 18,7%. Chi phí tài chính giảm 45% nhưng chi phí bán hàng tăng 45%, chi phí quản lý cũng tăng 30%. Theo đó, lợi nhuận sau thuế đạt 224 tỷ đồng, gấp 7 lần cùng kỳ do nền thấp của năm ngoái nhưng cũng là quý II có lợi nhuận cao nhất. Trong chu kỳ kinh doanh của PNJ, quý II và III thường thấp điểm, cao điểm rơi vào quý I và IV. Lũy kế 6 tháng, doanh nghiệp vàng bạc báo cáo doanh thu tăng gấp rưỡi lên 11.637 tỷ đồng, lãi sau thuế 736 tỷ đồng, tăng 67%. PNJ đã thực hiện 55,4% chỉ tiêu doanh thu và 60% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế.

GEG: thực hiện 45% kế hoạch sau nửa đầu năm 2021

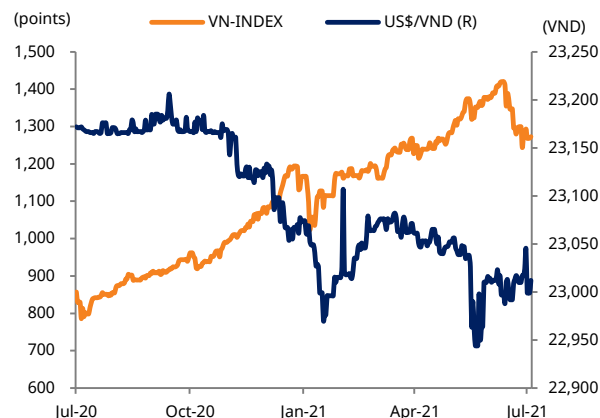
Sau 6 tháng đầu năm, CTCP Điện Gia Lai (HOSE: GEG) ghi nhận doanh thu thuần đạt 625 tỷ đồng và lãi ròng 128 tỷ đồng, tăng lần lượt 3% và 2% so cùng kỳ. Công ty đã thực hiện 45% kế hoạch lợi nhuận năm 2021 đề ra. Trong quý 2 vừa qua, GEG đem về 320 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 6% so cùng kỳ; trong đó doanh thu bán điện chiếm 317 tỷ đồng. Nhờ giá vốn không đổi, Công ty đạt 192 tỷ đồng lợi nhuận gộp, tăng trưởng 11%. Năm 2021, GEG đặt mục tiêu lãi trước thuế 320 tỷ đồng. Như vậy, Công ty đã thực hiện được 45% kế hoạch. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2021, Ban lãnh đạo GEG khá lạc quan về tình hình sản xuất kinh doanh của ngành điện trong năm nay, dựa vào kỳ vọng nền kinh tế sẽ hồi phục trở lại khi vaccine Covid-19 được tiêm chủng. Phía GEG cho biết tỷ lệ tăng trưởng nhu cầu sử dụng điện trong những năm qua luôn thuận theo tỷ lệ tăng trưởng GDP. Như vậy, danh mục nhà máy năng lượng của GEG dự kiến sẽ tiếp tục hưởng lợi từ xu hướng này.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



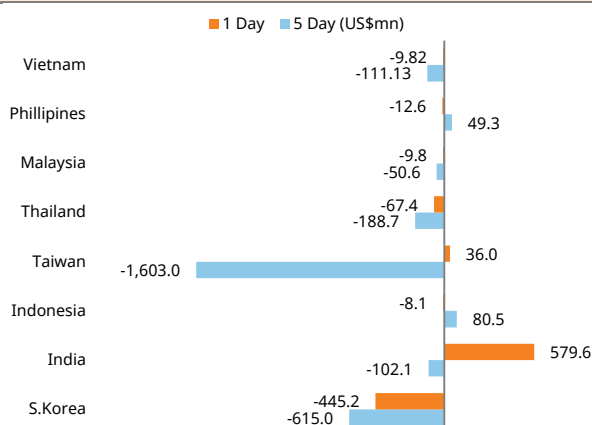
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



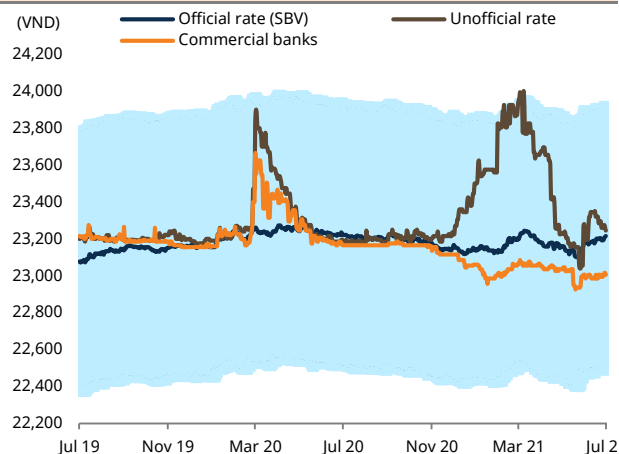
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



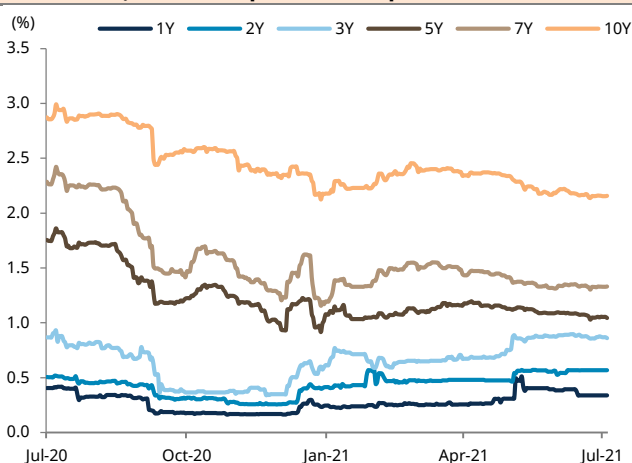
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



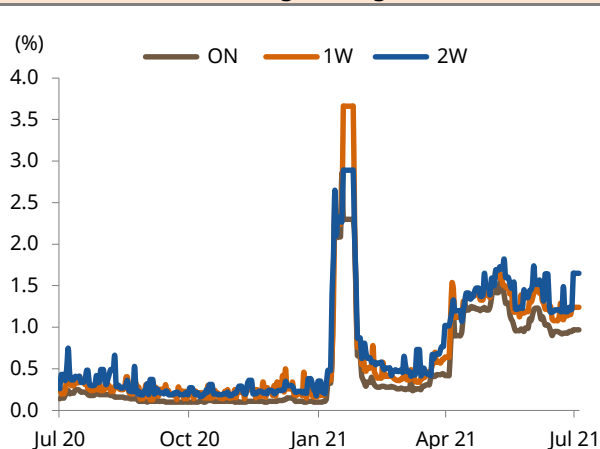
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,404.36	3,354,206		0.2	2.2	-6.4	81.8	13.3	11.5	2.5	2.1	14.9	15.7	22.9	20.6
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	40,000	160,881	16.7	-0.5	0.9	-12.2	4.7	17.0	12.5	1.8	1.5	62.2	36.8	11.9	14.5
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	50,500	37,487	26.8	0.2	5.2	-13.4	15.8	21.9	19.4	1.8	1.7	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	32,200	154,745	24.5	-0.9	-0.2	-22.8	86.8	7.0	6.3	1.3	1.1	60.3	12.8	20.4	19.7
CTCP FPT	FPT VN	93,600	84,939	49.0	3.4	10.5	9.9	134.5	20.8	17.3	4.6	4.0	25.9	20.0	25.0	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	87,300	167,088	2.8	-0.8	0.7	-10.9	27.8	17.1	15.0	3.1	2.9	26.5	14.0	19.4	20.4
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	32,350	51,558	18.0	0.0	1.4	-8.4	111.0	9.4	7.8	1.8	1.5	29.3	20.2	21.2	20.1
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	45,500	203,518	26.7	-0.7	2.7	-10.3	174.5	7.3	6.9	2.3	1.7	118.0	5.8	37.9	28.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	39,800	24,799	32.2	3.6	6.7	7.3	88.4	20.6	15.2	2.7	2.3	3.0	35.4	14.2	17.0
NHTMCP Quân đội	MBB VN	27,200	102,770	21.8	-2.0	0.2	-12.8	158.3	8.0	6.9	1.5	1.2	54.9	16.5	21.3	20.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	121,000	142,845	33.3	1.7	1.3	13.7	132.7	51.5	29.9	7.0	5.6	123.0	72.3	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	159,700	75,907	49.0	-1.2	2.0	11.1	101.6	15.0	12.3	3.8	3.0	22.8	21.7	26.6	26.7
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	104,500	153,992	9.3	1.5	1.5	-12.3	128.0	28.3	31.0	4.5	4.4	26.1	-8.8	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	90,900	44,248	3.9	2.6	3.5	-4.3	401.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	49,850	62,004	17.3	-0.7	1.7	-11.8	9.8	18.0	15.2	2.5	2.5	303.1	18.4	16.0	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	91,700	20,850	49.0	0.8	0.1	-5.9	63.8	16.0	12.5	3.4	2.8	32.9	28.1	23.8	23.8
TCT Điện Lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,500	24,590	3.0	0.0	4.0	-13.6	12.8	12.0	10.6	0.8	0.8	-12.6	13.6	7.1	7.7
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	51,800	16,009	49.0	0.6	2.0	-8.3	59.4	8.8	7.1	1.1	1.1	11.6	23.7	13.4	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	18,400	11,356	8.9	1.4	2.2	-12.0	26.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	51,000	33,401	48.7	0.8	3.4	-5.0	256.6	25.4	20.7	3.7	3.5	2.3	23.0	14.1	14.5
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	28,700	51,765	14.4	0.0	4.4	-2.7	163.3	22.1	14.8	1.7	1.5	4.3	48.9	8.9	11.8
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	49,200	172,441	22.5	-0.6	2.5	-4.7	152.3	10.5	8.9	1.9	1.6	33.1	17.7	20.0	19.3
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	18,600	7,425	13.3	0.5	3.0	-15.6	-9.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	32,900	35,258	30.0	-0.3	4.3	-8.4	94.2	7.8	6.5	1.6	1.3	23.5	20.1	22.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	96,700	358,648	23.6	-0.3	-0.3	-14.1	19.4	15.6	13.4	3.1	2.5	38.9	16.6	22.1	21.4
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	109,900	361,518	23.2	2.1	5.4	-2.0	44.6	11.8	10.4	3.1	2.5	11.8	13.5	31.7	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	105,200	355,832	15.8	1.2	2.2	-10.5	19.5	57.1	56.3	4.0	3.6	8.9	1.4	7.2	8.2
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	113,900	61,690	18.3	0.4	-0.1	-1.7	9.7	151.9	23.3	3.3	2.7	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	88,900	185,797	55.1	1.5	4.6	-0.9	-4.0	18.2	17.2	5.6	5.4	2.4	6.1	33.9	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	57,000	139,921	15.4	-2.6	-5.0	-16.4	168.9	10.1	9.6	1.9	1.6	32.5	5.2	25.5	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,050	61,466	30.6	0.2	0.9	-14.4	-3.2	22.1	17.9	2.0	1.8	16.9	23.3	8.9	10.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	4.06	4,765,547	0.3	2.4	-8.4	53.5	14.9	12.5	2.5	2.1	14.4	18.8	20.0	18.9
Ô tô và phụ tùng	0.09	8,368	4.0	4.3	-1.9	61.1	6.9	6.4	1.3	1.2	34.5	9.7	12.7	12.3
Ngân hàng	-4.29	1,547,954	-1.0	-2.1	-12.0	67.3	12.4	10.0	2.0	1.7	38.5	20.0	19.5	18.8
Xây dựng cơ bản	0.31	169,844	0.7	2.2	-5.3	65.3	6.4	4.7	0.4	0.3	12.3	26.6	7.7	8.0
Dịch vụ thương mại	0.02	4,732	1.7	4.6	4.5	26.6	7.5	5.9	NA	NA	18.8	27.9	10.2	12.3
May mặc và trang sức	-0.04	42,346	-0.3	0.1	-5.6	132.4	12.1	9.7	2.4	2.0	40.2	23.2	17.7	17.9
Dịch vụ tiêu dùng	0.00	7,828	-0.2	-0.6	-6.6	11.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	-0.11	85,529	-0.5	-1.8	-8.8	224.2	15.6	12.3	2.5	2.3	18.7	28.6	12.7	13.7
Năng lượng	-0.05	78,028	-0.3	0.0	-12.9	24.3	18.5	14.2	2.2	2.1	NA	28.9	13.9	14.6
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.58	518,488	1.1	1.2	-0.4	37.5	25.8	18.6	4.8	4.3	43.7	29.8	20.8	22.1
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	819	-1.5	-8.7	-8.9	18.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,837	-0.7	-1.9	0.4	4.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.12	46,252	1.0	3.5	-8.6	24.9	19.0	17.0	1.6	1.5	15.0	11.4	7.8	8.3
Nguyên vật liệu	1.27	466,526	1.1	1.6	-7.9	159.0	49.1	12.7	1.9	0.9	91.7	-3.5	24.2	18.8
Giải trí và truyền thông	0.00	1,324	0.3	-0.1	-11.6	-25.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.02	35,084	-1.6	-1.4	-14.0	27.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	4.63	1,166,232	0.3	-0.6	-4.4	25.9	8.6	7.5	1.4	1.0	9.7	13.1	9.0	9.4
Bán lẻ	-0.19	84,905	1.5	1.8	-7.6	65.3	26.8	26.0	3.0	2.6	14.7	17.4	15.6	14.4
Phần mềm và dịch vụ	0.83	89,473	-0.8	-1.7	11.1	95.0	14.3	11.7	3.4	2.8	36.4	20.7	24.1	24.3
Thiết bị và phần cứng	0.10	6,453	3.5	8.0	9.4	130.5	19.7	16.4	4.4	3.8	28.2	21.5	23.7	24.5
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,351	5.8	8.5	16.3	270.1	15.5	13.1	4.2	3.3	51.5	18.8	29.3	27.8
Vận tải	0.27	157,443	0.3	-5.7	-3.9	214.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.35	247,290	0.7	0.3	-3.0	33.9	63.0	11.9	21.9	1.3	NA	NA	-64.2	21.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	109,900	2.1	2,594,900	2.0
GVR VN	32,300	4.2	4,733,300	1.4
VIC VN	105,200	1.2	1,760,100	1.1
FPT VN	93,600	3.4	5,611,900	0.8
VNM VN	88,900	1.5	2,664,800	0.7
MSN VN	121,000	1.7	1,111,100	0.6
NVL VN	104,500	1.5	1,671,400	0.6
PDR VN	90,900	2.6	2,835,100	0.3
KDH VN	39,800	3.6	5,449,700	0.2
NLG VN	42,000	6.1	4,181,500	0.2

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VPB VN	57,000	-2.6	8,761,400	-1.0
VIB VN	38,550	-4.1	1,617,400	-0.7
MBB VN	27,200	-2.0	15,661,100	-0.6
CTG VN	32,200	-0.9	9,711,400	-0.4
SSB VN	36,500	-2.8	1,185,700	-0.4
HPG VN	45,500	-0.7	22,700,900	-0.4
GAS VN	87,300	-0.8	603,600	-0.4
VCB VN	96,700	-0.3	1,192,000	-0.3
TCB VN	49,200	-0.6	13,687,500	-0.3
MWG VN	159,700	-1.2	1,092,700	-0.3

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.